

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2023/DS-ST

Ngày: 17 – 7 – 2023

V/v “Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất
bị lấn chiếm”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- *N phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Diệt.

2. Ông Đặng Duy Tân.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Thanh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất bị lấn chiếm, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXX-ST ngày 06 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông **Huỳnh Tấn N.**

Địa chỉ: Ấp O, Thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà **Huỳnh Thị L.**

Địa chỉ: Số 145/3, Đường X, Khóm Y, Phường N, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

3. Ông **Huỳnh Văn T.**

Địa chỉ: Số 89, Đường T, Khóm Y, Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bà **Huỳnh Thị Thu Y.**

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

5. Ông **Huỳnh Tấn R.**

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

6. Bà **Huỳnh Thị Thu Q.**

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn ông Huỳnh Tấn N, bà Huỳnh Thị L, bà Huỳnh Thị Thu Y, ông Huỳnh Tấn R, bà Huỳnh Thị Thu Q là: Ông Huỳnh Văn T; địa chỉ: Số 89, Đường T, Khóm Y, Phường M, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, (đại diện ủy quyền, theo văn bản ủy quyền chứng thực ngày 27 tháng 3 năm 2019), (có mặt).

*- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn: Ông **Phan Văn P.***

Địa chỉ: Số 175, Đường T, ấp O, Thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, (có mặt).

*- Bị đơn: Bà **Đoàn Thị Kim H.***

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh **Kim Điền M.***

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, (đại diện ủy quyền, theo văn bản ủy quyền chứng thực ngày 13 tháng 01 năm 2020), (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Văn G**, (vắng mặt).

2. Anh **Nguyễn Quốc A**, (vắng mặt).

3. Chị **Nguyễn Thị Nhã U**, (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

4. **Ngân hàng TMCP D.**

Địa chỉ: Số D Phố T, phường B, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, là Chuyên viên cao cấp Phòng Tổ tụng xử lý nợ của Ngân hàng TMCP D, địa chỉ: Số Y, Đường C, Phường S, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, (đại diện uỷ quyền, theo Giấy uỷ quyền số 91/2023/UQ-NCB ngày 16/6/2023 của Ngân hàng TMCP D), (có mặt).

- Người làm chứng:

*- Ông **Lâm Hữu K.***

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, (vắng mặt).

*- Ông **Phạm Văn D.***

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, (vắng mặt).

*- Bà **Đoàn Thị Kim O.***

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, (vắng mặt).

*- Bà **Huỳnh Thị E.***

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, (vắng mặt).

*- Ông **Mai Văn M.***

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, (vắng mặt).

- Ông **Nguyễn Quốc B.**

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, (vắng mặt).

- Ông **Lê Việt V.**

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 27/3/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 23/3/2020 của các nguyên đơn là: Ông Huỳnh Tấn N, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Thu Y, ông Huỳnh Tấn R, bà Huỳnh Thị Thu Q và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Phiên tòa sơ thẩm, ông Huỳnh Văn T là người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn đều trình bày:

Đất tranh chấp có nguồn gốc là của cha mẹ các nguyên đơn ông N, bà L, ông T, bà Y, ông R và bà Q là cụ Huỳnh Ô, sinh năm: 1927 (chết năm 2013) và cụ Nguyễn Thị Ê, sinh năm: 1934 (chết năm 2015). Ngày 09/7/1993, cụ Ô được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là: GCNQSDĐ) đối với diện tích 24.213m², thuộc thửa số 526, loại đất: T+LNK và diện tích 9.100m² thuộc thửa số 641, loại đất: Mù, cùng tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Giáp với các thửa đất này là đất của bị đơn bà Đoàn Thị Kim H.

Sau khi cụ Ô, cụ Ê qua đời để lại phần đất này cho các nguyên đơn quản lý sử dụng. Đến năm 2016, các nguyên đơn có văn bản thỏa thuận chia đất theo thừa kế mỗi người 01 phần và được Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Mỹ Tú đo đạc để cấp GCNQSDĐ, nhưng bà H không thống nhất ranh đất và cũng không đồng ý ký tên tứ cận giáp ranh, bà H tự cặm ranh lấn qua phần đất các nguyên đơn với chiều ngang 03m, chiều dài khoảng 200m, diện tích là 600m², nên hai bên xảy ra tranh chấp. Các nguyên đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, nhưng bà H đều vắng mặt.

Những người biết ranh đất này có ông Lâm Hữu K và ông Phạm Văn D. Để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, các nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án GCNQSDĐ số vào sổ cấp giấy: 00071 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp ngày 09 tháng 7 năm 1993 cho cụ Huỳnh Ô, (bản sao có chứng thực) và “Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất” đề ngày 18 tháng 2 năm 1993 đứng tên Huỳnh Ô, (bản chính).

Tại phiên tòa, ông T là nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn ông N, bà L, bà Y, ông R, bà Q cho rằng phần đất của bên nguyên đơn là bờ đất, còn đất bên bà H là đường mương. Phần đất bên nguyên đơn hiện nay do bên các nguyên đơn trồng cây, bà H không có sử dụng, nhưng vì thời điểm đo đạc để các nguyên đơn làm thủ tục cấp GCNQSDĐ chia thừa kế thì bà H không ký giáp ranh vì cho rằng các nguyên đơn lấn chiếm đất của bà, nên các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp ranh đất. Nay ông T vẫn giữ

nguyên các đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả cho các nguyên đơn phần đất lấn chiếm theo số liệu đo đạc thực tế diện tích 1.210,7m² thuộc thửa đất số 526, tờ bản đồ số 1 như đã nêu trên.

- Theo tờ tường trình ngày 25/6/2019 của bị đơn bà Đoàn Thị Kim H và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Phiên tòa sơ thẩm, anh Kim Điền I là người đại diện hợp pháp của bị đơn đều không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, vì:

Giáp ranh với thửa đất số 526 là thửa đất số 525, tờ bản đồ số 1, diện tích 13.052m², tọa lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp GCNQSDĐ vào ngày 10/9/1996 cho hộ bà Đoàn Thị Kim H. Thửa số 525 có nguồn gốc của chị bà H là bà Đoàn Thị Kim O khai phá sử dụng từ năm 1975, đến năm 1989 bà O cho bà H phần đất này. Bà H cùng chồng là ông Nguyễn Văn G sử dụng ổn định, liên tục từ đó đến nay. Phần đất bên nguyên đơn là bờ đất, còn đường mương là đất của bị đơn.

Năm 2016 các nguyên đơn thỏa thuận phân chia theo thừa kế, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Mỹ Tú đo đạc để cấp quyền sử dụng đất, sau khi đo đạc thì bà H và các nguyên đơn thống nhất phần ranh đất và có cắm cột mốc cố định. Bà đã sử dụng đất ổn định trên 30 năm, ranh đất xác định bằng trụ đá đã được cắm từ trước đến nay mà không có sự dịch chuyển nào, ranh đất vẫn còn giữ nguyên hiện trạng. Bà H sử dụng đất đúng ranh giới. Do đó, yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là không đúng.

Những người biết ranh đất: Bà Đoàn Thị Kim O, bà Huỳnh Thị E, ông Mai Văn M, ông Lê Việt V, ông Nguyễn Quốc B.

Để chứng minh cho ý kiến của mình, bà H và người đại diện hợp pháp của bà đã cung cấp cho Tòa án: GCNQSDĐ số H 802201 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp ngày 10/9/1996 cho hộ Đoàn Thị Kim H, (bản sao không công chứng, chứng thực).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn G, anh Nguyễn Quốc A, chị Nguyễn Thị Nhã U: Đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt không lý do, không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan, Tòa án cũng không lấy lời khai của ông G, anh A và chị U được.

- Theo người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP D (sau đây ghi tắt là: Ngân hàng) trình bày: Ông Nguyễn Văn G và bà Đoàn Thị Kim H có vay tiền của Ngân hàng, theo hợp đồng cho vay số 008/20/HĐCV-9364 ngày 15/4/2020. Để đảm bảo hợp đồng vay, hộ ông G và bà H đã ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 028/19/HĐTC-9364 ngày 02/4/2019 được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày

03/4/2019 theo quy định của pháp luật, trong đó có thửa đất số 525, tờ bản đồ số 1, diện tích 13.052m², tọa lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ bà Đoàn Thị Kim H. Ngân hàng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, vì Ngân hàng nhận thế chấp quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật, thời điểm thế chấp thì đất không tranh chấp.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các nguyên đơn thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của các nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

- *Đối với người làm chứng:*

+ Bà Đoàn Thị Kim O trình bày: Phần đất tranh chấp là đất của bà H. Ranh đất bên nguyên đơn với đất bên bị đơn trước đây là con kênh nhỏ dùng để cho ghe xuống đi, hiện nay đường kênh bên bà H sử dụng còn hai đầu, nhưng đoạn giữa thì cụ Huỳnh Ô ban ra vào năm 2013 thành bờ đất, bà H có ngăn cản, Ban nhân dân ấp và Ủy ban nhân dân xã giải quyết nhưng không kết luận là đất của ai.

+ Ông Lê Việt V chỉ biết phần đất của hai bên trước đây sử dụng, còn ranh đất như thế nào thì ông không biết.

+ Bà Huỳnh Thị E trình bày: Ranh đất bên nguyên đơn là bờ đất, còn đất bên bị đơn là đường mương, hiện nay vẫn còn hiện trạng.

+ Ông Phạm Văn D có lời khai như sau: Trước đây ông làm thuê cho gia đình của các nguyên đơn, không nhớ thời gian nào thì cụ Ê thuê ông đào liếp trồng mía, đất của bà H thời điểm đó là của bà Đoàn Thị Kim O, giáp ranh với đất cụ Ô, bên đất cụ Ô là bờ đất chiều ngang khoảng 03m. Sau đó, cây mọc um tùm nên cụ Ê thuê ông dọn sạch cỏ và trồng dừa. Trồng được vài ngày thì bà Hoa tự ý nhổ bỏ, vì cho rằng trồng trên đất của bà O. Do hiện nay đất của bên nguyên đơn, bị đơn đều cải tạo, bồi đắp, thay đổi nhiều nên ông không biết phần đất tranh chấp là đất của ai.

+ Ông Mai Văn M cho rằng đất của các bên đã cải tạo, bồi đắp, nay không còn hiện trạng như trước đây, nên ông không xác định được ranh đất. Phần đất tranh chấp là đất của ai thì ông không biết.

+ Đối với người làm chứng ông Lâm Hữu K và ông Nguyễn Quốc B đều vắng mặt, không tham gia tố tụng và Tòa án không lấy lời khai được.

- *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Các nguyên đơn yêu cầu buộc các bị đơn trả lại phần đất lấn chiếm là không có cơ sở chấp nhận, vì ông Huỳnh Văn T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều cho rằng hiện nay bị đơn không sử dụng phần đất trong GCNQSDĐ của cụ Huỳnh Ô, đồng thời các nguyên đơn cũng không chứng minh được bị đơn lấn chiếm đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các đương sự đã được Ủy ban nhân dân xã Thuận Hưng, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thực hiện thủ tục hoà giải theo quy định tại Điều 202 và khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai, nhưng không hoà giải được nên các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại phần đất lấn chiếm tọa lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, người làm chứng ông Lâm Hữu K, ông Nguyễn Quốc B đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Các đương sự đều thống nhất phần đất tranh chấp trước đây là đường mương cho ghe đi, hiện nay không còn nguyên hiện trạng; phần đất bên nguyên đơn là bờ đất, còn đất bên bị đơn là đường mương. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

Phần đất các nguyên đơn sử dụng tại thửa số 526, tờ bản đồ số 1 cặp ranh với thửa số 525, tờ bản đồ số 1 do bị đơn sử dụng cùng với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông G, đều tọa lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ với kết quả như sau:

* Phần đất tranh chấp, vị trí ở giữa thửa đất số 525 và thửa số 526:

- Hướng đông giáp thửa đất số 525, có số đo 62,25m + 19,60m + 24,80m + 32,49m + 18,57m + 25,26m + 18,78m + 24,21m + 56,00m;
- Hướng tây giáp thửa số 526, số đo 33,06m + 27,16m + 17,98m + 19,40m + 14,90m + 38,57m + 25,22m + 22,12m + 28,47m + 55,61m;
- Hướng nam giáp đường bê tông, số đo 0,88m;
- Hướng bắc giáp thửa đất số 526, số đo 1,82m.

Diện tích: 1210,7m²; là đất trống, không có tài sản và công trình trên đất.

* Phần đất nguyên đơn sử dụng tại thửa số 526 có diện tích 38131.9m² (do ông Huỳnh Văn T chỉ ranh).

* Phần đất bị đơn sử dụng tại thửa số 525 có diện tích 12066m² (do bà Đoàn Thị Kim H chỉ ranh).

Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản ngày 28/8/2019 thì đất tranh chấp có giá trị như sau: 1210,7m² x 50.000đồng/m² = 60.535.000 đồng (bằng chữ: Sáu mươi triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Theo GCNQSDĐ cụ Ô được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp tại thửa số 526, diện tích 24.213m², nhưng theo đo đạc thực tế thì thửa đất này có diện tích 38131.9m², nên dư 13918,9m² so với quyền sử dụng được cấp, trong khi việc xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án có sự chứng kiến và chỉ ranh đất của ông Huỳnh Văn T với tư cách là nguyên đơn, đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của các nguyên đơn khác.

Các nguyên đơn cung cấp chứng cứ cho Tòa án là GCNQSDĐ số vào sổ cấp giấy: 00071 do Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp ngày 09 tháng 7 năm 1993 cho cụ Huỳnh Ô. Tuy nhiên, theo Công văn số: 56/CV.PTNMT ngày 03 tháng 3 năm 2020 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mỹ Tú được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú uỷ quyền trả lời cho Tòa án như sau: Thửa đất số 526 cấp GCNQSDĐ cho ông Huỳnh Ô, thời điểm cấp là đại trà (đăng ký vết) không xác định số đo tứ cận, không có người ký giáp ranh, không quy định cấm cọc ranh. Diện tích chênh lệch là do dựa trên bản đồ giải thửa, không có đo đạc thực tế.

Tại phiên tòa, ông T xác định phần đất tranh chấp là bờ đất, hiện nay do các nguyên đơn trồng cây, phát sinh tranh chấp là vì bà H không ký tên giáp ranh để các nguyên đơn làm thủ tục cấp GCNQSDĐ theo diện thừa kế, bà H cho rằng các nguyên đơn sử dụng đất không đúng ranh, nên các nguyên đơn khởi kiện buộc bà H trả lại đất lấn chiếm theo đo đạc thực tế có diện tích 1210,7m², thuộc thửa số 526, tờ bản đồ số 01, trong GCNQSDĐ của cụ Huỳnh Ô được Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp ngày 09/7/1993.

Do các đương sự thừa nhận phần đất tranh chấp hiện nay bị đơn không sử dụng, mà do các nguyên đơn đang sử dụng trồng cây, còn việc bị đơn cho rằng các nguyên đơn xác định đất không đúng ranh, thì đây chỉ là lời nói. Các nguyên đơn yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì phải có nghĩa vụ thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp, nhưng các nguyên đơn không chứng minh được bị đơn lấn chiếm quyền sử dụng đất, vì vậy yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên lời đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn không được chấp nhận, nên các nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể: 60.535.000 đồng x 5% = 3.026.750 đồng (bằng chữ: Ba triệu không trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng), theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, các nguyên đơn phải chịu là 10.779.000 đồng (bằng chữ: Mười triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng), các chi phí này đã được chi xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 202 và khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Tấn N, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Thu Y, ông Huỳnh Tấn R, bà Huỳnh Thị Thu Q về việc buộc bị đơn bà Đoàn Thị Kim H trả lại cho các nguyên đơn phần đất lấn chiếm diện tích 1210,7m², thửa số 526, tờ bản đồ số 01, tọa lạc ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, có số đo và tứ cận như sau:

- Hướng đông giáp thửa đất số 525, có số đo 62,25m + 19,60m + 24,80m + 32,49m + 18,57m + 25,26m + 18,78m + 24,21m + 56,00m;
- Hướng tây giáp thửa số 526, số đo 33,06m + 27,16m + 17,98m + 19,40m + 14,90m + 38,57m + 25,22m + 22,12m + 28,47m + 55,61m;
- Hướng nam giáp đường bê tông, số đo 0,88m;
- Hướng bắc giáp thửa đất số 526, số đo 1,82m.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Tấn N, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Thu Y, ông Huỳnh Tấn R, bà Huỳnh Thị Thu Q phải chịu 3.026.750 đồng (bằng chữ: Ba triệu không trăm hai mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006233 ngày 07/6/2019 và 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002406 ngày 08/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng; ông Huỳnh Tấn N, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Thu Y, ông Huỳnh Tấn R, bà Huỳnh Thị Thu Q phải nộp thêm là 2.426.750 đồng (bằng chữ: Hai triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Huỳnh Tấn N, bà Huỳnh Thị L, ông Huỳnh Văn T, bà Huỳnh Thị Thu Y, ông Huỳnh Tấn R, bà

Huỳnh Thị Thu Q phải chịu là 10.779.000 đồng (bằng chữ: Mười triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 10.779.000 đồng (bằng chữ: Mười triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn đồng). Ông N, bà L, ông T, bà Y, ông R, bà Q đã nộp xong chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

4. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo T kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- TAND tỉnh Sóc Trăng, (Phòng KTNV và THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh